

Bản án số: **24/2021/HS-PT**

Ngày: 28-5-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Văn Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Văn Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:34/2021/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Duy P do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

*Bị cáo:* **Nguyễn Duy P**, sinh năm 2000 tại tỉnh Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; bị cáo có 3 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/11/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Anh Điều Xuân T, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào năm 2019, bà Thị Đ (mẹ của Điều Xuân T) có vay tiền của anh Nguyễn Ngọc P để trả nợ ngân hàng. Sau đó, bà Thị Đ chuyển nhượng 01 diện tích đất vườn điều hơn 04 ha tại Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước cho anh Nguyễn Ngọc P. Tháng 5/2020, anh P chuyển nhượng diện tích đất trên cho ông Nguyễn Văn Đ. Tuy nhiên, gia đình anh T cho rằng hợp đồng chuyển nhượng với anh P là hợp đồng giả tạo và đang khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện B để đòi đất, nên giữa anh Nguyễn Ngọc P và gia đình anh Điều Xuân T xảy ra mâu thuẫn. Vào khoảng 17 giờ ngày 23/6/2020, Điều Xuân T điều khiển xe mô tô biển số 93L1-032.32 đi vào diện tích đất trên thì gặp anh P và Nguyễn Duy P (em ruột P) ở đó. T hỏi P về chuyện không thấy mấy tấm tôn ở chòi cũ, P trả lời là hỏi ông Đ nên T điều khiển xe đến chòi trong rẫy để gặp ông Đ nói chuyện. Khi T đang ngồi trên xe nói chuyện với ông Đ thì P và P cũng đi bộ lên đến nơi thì giữa P, P và T có lời qua tiếng lại, cãi vã nhau. P bực tức chạy đến chỗ chiếc xe lấy con dao (rựa) dài 78 cm đến chỗ T chém 01 nhát trúng vào vành tai phải và sau tai phải của anh T gây thương tích. Thấy vậy, anh P chạy đến can ngăn thì P bỏ đi về nhà, còn anh T được người nhà đưa đi cấp cứu, điều trị tại Trung tâm y tế huyện B.

Tại Kết luận pháp y về thương tích số 252 ngày 18/9/2020 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Phước, xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Điều Xuân T do thương tích gây nên hiện tại là 3%.

- Về vật chứng vụ án: 01 con dao (rựa) chiều dài 78 cm, cán dao bằng cây tầm vong, kích thước khoảng 3 cm x 56 cm, lưỡi dao kim loại dài khoảng 22 x 4,6 cm (mũi bằng).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Điều Xuân T yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000 đồng, bị cáo P chưa bồi thường.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước quyết định:***

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134, các điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy P phải bồi thường cho anh Điều Xuân T số tiền 3.559.000 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/3/2021 bị hại Điều Xuân T có đơn kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Duy P và yêu cầu tăng mức bồi thường với số tiền là 67.900.000 đồng.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 23.300.000 đồng, bao gồm các chi phí: điều trị thương tích, thiệt hại do ngày công lao động bị mất, tiền xe đi lại, tiền công người chăm sóc và tổn thất tinh thần do thương tích bị cáo gây ra.

- Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 23.300.000 đồng theo như yêu cầu của bị hại tại phiên tòa.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm:***

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo tăng nặng hình phạt và tăng bồi thường của bị hại Điều Xuân T. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P từ 06 (Sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P bồi thường cho bị hại Điều Xuân T số tiền 23.300.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Điều Xuân T được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường với số tiền 67.000.000 đồng của bị hại. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm bị cáo Nguyễn Duy P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu cụ thể: Khoảng 17 giờ ngày 23/6/2020 tại phần diện tích đất bà Thị Đ chuyển nhượng cho anh Nguyễn Ngọc P tọa lạc tại Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, giữa P, P, T có cãi nhau nên P bực tức lấy 01 con dao rựa dài 78cm chém 01 nhát vào vành tai phải và sau tai phải của anh T gây thương tích cho anh T 03% nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo P phạm tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo P thấy rằng: Mâu thuẫn xảy ra là do mẹ của bị hại là bà Thị Đ tranh chấp phần đất rẫy với anh trai của bị cáo P, vụ án đã được khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B, giữa P và bị hại T không có mâu thuẫn gì. Ngày 23/6/2020 sau khi T vào gặp anh P nói chuyện thì T đã rời đi để gặp ông Đ nói chuyện nhưng P đi theo. Sau đó, giữa anh P, P và bị hại xảy ra cãi nhau, khi bị hại đang ngồi trên xe mô tô, thì bị cáo P dùng 01 con dao rựa dài 78 cm, đứng đối diện bên tai trái của bị hại Trường, chém 01 nhát từ trái qua phải, bị hại T dơ tay phải lên đỡ lên nên phần cán rựa mới trúng vào tay, phần lưỡi dao trúng vào tai của bị hại Trường. Khi anh T bị thương bỏ chạy thì P vẫn đuổi theo nhưng được anh P can ngăn nên P mới dừng lại (Biên bản lấy lời khai của P, P, T – bút lục 18, 27, 33). Mặc dù, thương tích của bị cáo gây ra cho bị hại là 3% nhưng việc bị hại chỉ bị thương tích 3% là do người bị hại đã dùng tay đỡ kịp thời. Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt nhưng vì sự bức tức của bản thân bị cáo đã muốn giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực ngay tức khắc, hành vi của bị cáo thể hiện rõ tính côn đồ, hung hãn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có thiếu sót.

Mặc dù, bị cáo là người có nhân thân tốt, được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc T hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng xét thấy sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không thăm hỏi, chăm sóc, xin lỗi đối với người bị hại. Từ những phân tích trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án 04 (bốn) tháng tù là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại là có căn cứ nên được chấp nhận, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị hại đề nghị tăng mức bồi thường với tổng số tiền 67.900.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù tại cấp sơ thẩm bị hại đề nghị bồi thường số tiền 60.000.000 đồng, tại đơn kháng cáo đề nghị bồi thường số tiền 67.900.000 đồng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị hại thay đổi yêu cầu chỉ đề nghị bồi thường với số tiền 23.300.000 đồng bao gồm: Tiền viện phí điều trị thương tích ngày 23/6/2020 là 360.724 đồng (có hóa đơn); Chi phí điều trị thời gian nhập viện từ ngày 24/6/2020 đến ngày 29/6/2020 là 1.548.030 đồng (có hóa đơn); Tiền thuê xe đi/về từ xã T đến Trung tâm y tế huyện B: 1.000.000 đồng; Tiền thiệt hại do mất thu nhập: 150.000 đồng/ngày x 30 ngày = 6.000.000 đồng; Tiền công người chăm sóc: 150.000 đồng/ngày x 07 ngày = 1.400.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần: 10 tháng lương tối thiểu = 14.900.000 đồng. Tổng cộng: 23.358.754

đồng(làm tròn 23.300.000 đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt và tăng mức bồi thường của bị hại anh Điều Xuân T.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Nguyễn Duy P.

[1] Về tội danh và hình phạt:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy P** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm a, i Khoản 1 Điều 134, các điểm i,s Khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015,sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Duy P đồng ý bồi thường cho bị hại anh Điều Xuân T số tiền 23.300.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

*T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật*

*thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

[3] Về án phí:

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Duy P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 1.165.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./***

***Nơi nhận:***

- TAND; VKSND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA huyện B;
- Chi cục THADShuyện B;
- Bị cáo; Bị hại.
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Nga**